

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC LUẬT HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC

*** MỞ TẠI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI-VB1- KHÓA 14 (2014-2019)**

Kèm theo QĐ số: /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	UT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	00002	Lê Thị Ngọc Anh	16/02/95	Nữ	Hà Nội	SV Tr. ĐH lao động XH		7.50	8.50	8.50	24.50	24.50	
2	00003	Lê Tuấn Anh	17/12/90		Hà Nội	UBND P. Lĩnh Nam, Thanh Trì	01	5.00	8.00	8.00	21.00	21.00	
3	00005	Nguyễn Việt Anh	11/10/84		Hà Nội	CTCPTMĐVX Tòa nhà mới	01	5.00	7.00	7.50	19.50	19.50	
4	00006	Nguyễn Đức Anh	12/01/92		Hà nội	Văn phòng TAND Tối Cao		7.00	9.00	8.00	24.00	24.00	
5	00008	Nguyễn Hồng Anh	29/07/91		Hà Nội	Bí thư đoàn p. Nam Đông, Đông Đa, HN	02	4.50	9.00	6.25	19.75	20.00	
6	00009	Nguyễn Việt Anh	30/07/91		Hà Nội	P. Phố Huế, HBT, HN		6.50	7.00	8.25	21.75	22.00	
7	00011	Phạm Quốc Anh	08/06/91		Hà Nội	Sở cảnh sát PC&CC	01	6.00	8.00	7.25	21.25	21.50	
8	00012	Trần Ngọc Anh	11/01/91		Nam Định	Nam Định		5.00	5.50	6.25	16.75	17.00	
9	00013	Vũ Thúy Anh	29/08/94	Nữ	Hà Nội	UBND P. Thanh Xuân Nam, HN		6.50	8.50	7.75	22.75	23.00	
10	00014	Trần Quang ánh	05/06/89		Hưng Yên	UBND xã Ngô Quyền, Tiền Lữ, Hưng Yên	02	7.00	7.50	8.75	23.25	23.50	
11	00016	Trần Quốc Bảo	02/10/94		Hà Tây	P. Khương mai, Thanh Xuân, HN		6.00	7.00	4.00	17.00	17.00	
12	00018	Trần Ngọc Bằng	10/10/94		Hà Nội	P.Cổ Nhuế, Quận Từ Liêm		6.00	8.00	6.25	20.25	20.50	
13	00019	Lê Văn Bình	09/08/87		Thanh Hoá	Công ty Du lịch Mai Sơn	01	6.00	7.00	7.00	20.00	20.00	
14	00020	Hà Ngọc Cảnh	17/12/91		Thái Bình	Đài Truyền hình VN	01	6.50	8.50	8.75	23.75	24.00	
15	00022	Lý Văn Chu	13/03/86		Quảng Ninh	Công ty Luật DAZ PRO	02	3.50	6.00	5.50	15.00	15.00	
16	00023	Nguyễn Tiến Chung	22/03/93		Quảng Ninh	P. Hải Hòa, Móng Cái, QN		7.00	8.00	7.25	22.25	22.50	
17	00024	Nguyễn Tôn Chung	24/09/85		Hà Nội	Phó bí thư đoàn phường Thịnh Liệt		5.50	6.50	7.00	19.00	19.00	
18	00025	Ninh Trung Công	08/07/94		Hà Nội	UBND phường Thanh Trì quận Hoàng Mai		6.50	8.50	6.00	21.00	21.00	
19	00026	Bùi Văn Cương	20/06/81		Hải Dương	Tổ 17 Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội	01	7.50	8.50	6.50	22.50	22.50	
20	00028	Nguyễn Văn Cường	20/09/92		Hải Phòng	UBND P. Nhân Chính, Thanh Xuân		6.50	6.50	8.25	21.25	21.50	
21	00029	Nguyễn Hữu Cường	27/07/91		Hà Nội	TT Cầu Diễn, Từ Liêm, HN		5.50	6.00	6.50	18.00	18.00	
22	00030	Vũ Thế Cường	17/08/87		Hải Phòng	Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng	01	7.00	7.50	5.00	19.50	19.50	
23	00031	Lê Thùy Dung	24/02/95	Nữ	Hà Nội	P. Liễu Giai, Ba Đình, HN		6.50	8.00	4.00	18.50	18.50	
24	00032	Nguyễn Thùy Dung	08/06/94	Nữ	Hà Nội	Xã Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội		8.00	9.00	7.25	24.25	24.50	
25	00034	Đỗ Lê Duy	21/10/84		Hà Nội	P. Láng Hạ, Đống Đa, HN		6.50	9.50	5.50	21.50	21.50	
26	00035	Đỗ Khánh Duy	28/04/88		Phú Thọ	UBND xã Yên Luật		5.50	7.00	5.00	17.50	17.50	
27	00036	Nguyễn Thị Duyên	04/05/95	Nữ	Thái Bình	UBND xã Vũ Bình, Kiến Xương		4.00	7.50	6.50	18.00	18.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	ƯT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
28	00037	Lê Xuân	Duy	25/09/94		Vĩnh Phúc	Xã Ngọc Mỹ, Lập Thạch, VP		5.50	7.50	7.00	20.00	20.00	
29	00038	Trịnh Quang	Duy	29/09/84		Hà Nội	Văn phòng TAND Tối Cao	02	7.00	8.00	4.00	19.00	19.00	
30	00039	Hồ Đại	Dũng	31/07/90		Hải Dương	Khách sạn Phố Hiến Hưng Yên		5.00	8.00	4.25	17.25	17.50	
31	00040	Nghiêm Đức	Dũng	02/09/81		Hà Nội	Chỉ huy QS Phường Phú Đô, Từ Liêm, HN	01	6.50	7.00	4.00	17.50	17.50	
32	00041	Nguyễn Đức	Dũng	18/08/82		Hà Nội	TT Trôi Hoài Đức		5.50	7.00	5.00	17.50	17.50	
33	00042	Nguyễn Chí	Dũng	22/08/90		Hà Nội	Cong ty TNHH kính mắt Vạn Xuân	01	6.00	9.00	6.75	21.75	22.00	
34	00043	Phạm Tiến	Dũng	01/10/77		Hà Nội	UBND Xã Ngũ Hiệp, Thanh Trì		7.00	8.00	8.50	23.50	23.50	
35	00044	Trần Đức	Dũng	08/07/74		Hưng Yên	Công an Tỉnh Hưng Yên	01	4.50	7.00	8.00	19.50	19.50	
36	00045	Trịnh Trọng	Dũng	06/12/86		Hà Nội	P. Thành Công, Ba Đình, HN		5.50	7.00	6.00	18.50	18.50	
37	00046	Võ Anh	Dũng	02/11/83		Hà Nội	UBND P.Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng		5.00	7.50	6.50	19.00	19.00	
38	00047	Trần Văn	Đang	03/02/82		Hưng Yên	UBND Xã Tiên Tiến, Phù Cừ, HY	02	5.00	8.00	4.75	17.75	18.00	
39	00048	Nguyễn Văn	Đào	09/11/86		Hà Nội	P. Phúc Thắng, Phúc Yên, VP	01	5.50	7.50	3.00	16.00	16.00	
40	00049	Nguyễn Tiến	Đạt	01/09/94		Cao Bằng	UBND phường Sông Hiến	01	4.50	7.00	7.50	19.00	19.00	
41	00050	Chu Hải	Đang	04/08/95		Lạng Sơn	UBND xã Mai Pha Lạng Sơn	01	5.00	7.50	6.75	19.25	19.50	
42	00051	Lê Xuân	Đang	19/09/90		Vĩnh Phúc	UBND xã Cao Đại, Vĩnh Tường, VP		5.50	8.50	9.00	23.00	23.00	
43	00052	Bùi Văn	Đệ	01/05/88		Hưng Yên	Xã An Viên, Tiên Lữ, HY		6.00	7.50	7.50	21.00	21.00	
44	00053	Đào Văn	Điển	03/08/92		Hà Nội	Xã Sài Sơn, Quốc Oai, HN		6.00	9.00	6.00	21.00	21.00	
45	00054	Nguyễn Khắc	Điều	09/10/76		Hưng Yên	Viện Nghiên cứu Da Giấy	01	5.50	7.00	3.50	16.00	16.00	
46	00056	Khuất Trung	Đức	10/04/90		Hà Nội	UBND Xã Vọng Xuyên, Phúc Thọ, HN		8.00	8.00	6.50	22.50	22.50	
47	00057	Nguyễn Anh	Đức	12/06/93		Hà Nội	UBND phường Nguyễn Trãi Hà Đông		6.00	7.50	8.00	21.50	21.50	
48	00058	Nguyễn Thuý	Giang	08/04/94	Nữ	Hà Nội	Cong ty Du lịch HT Việt Nam		5.50	8.00	6.50	20.00	20.00	
49	00060	Thân Thành	Giang	29/05/84		Hà Nội	UBND phường Trung Liệt Đống Đa		7.00	8.00	7.50	22.50	22.50	
50	00061	Vũ Đức	Giang	29/03/93		Hà Nội	Sinh viên ĐHDL Thăng Long		6.00	7.00	7.75	20.75	21.00	
51	00062	Lê Thị Thu	Hà	19/01/95	Nữ	Hải Dương	P. Quang Trung, Hải Dương		6.00	7.00	6.50	19.50	19.50	
52	00063	Lương Phan	Hà	20/09/92		Hà Nội	phường Thanh Lương, HBT		7.00	7.00	6.50	20.50	20.50	
53	00064	Lê Thanh	Hải	13/11/90		Liên Xô	P. Nghĩa Đô, Cầu Giấy, HN		5.00	5.00	5.50	15.50	15.50	
54	00065	Lê Long	Hải	15/10/94		Hà Nội	Phường Trung Liệt, ĐĐ		6.50	8.00	5.50	20.00	20.00	
55	00066	Nguyễn Ngọc	Hải	11/11/83		Thái Nguyên	Công ty TNHH TM&DVụ Đức Thắng	02	5.50	8.00	9.00	22.50	22.50	
56	00067	Nguyễn Việt	Hải	18/06/73		Vĩnh Phúc	Tòa án NDTC	01	6.00	8.00	6.00	20.00	20.00	
57	00068	Lê Thị	Hạnh	01/02/95	Nữ	Hà Nội	Xã Kim An, Thanh Oai, HN	02	5.00	5.00	6.50	16.50	16.50	
58	00069	Trần Tuấn	Hạnh	07/02/79		Tuyên Quang	Bảo vệ Văn phòng Quốc Hội		2.50	5.50	3.75	11.75	12.00	
59	00070	Trần Thị	Hạnh	25/10/90	Nữ	Nam Định	Công ty cổ phần truyền thông	02	4.00	3.00	5.50	12.50	12.50	
60	00072	Ngô Thị Diễm	Hằng	07/09/90	Nữ	Hà Nội	UBND P. Thụy Khê, Hà Nội		5.50	8.00	6.75	20.25	20.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	U.T	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
61	00073	Trần Văn	Hiển	02/09/88		Phú Thọ	Công ty cổ phần thương mại & Dvụ thể hệ mới	02	5.50	7.00	5.00	17.50	17.50	
62	00074	Đặng Ngọc	Hiếu	01/12/87		Hà Nội	Học viện hành chính quốc gia		6.50	7.50	6.25	20.25	20.50	
63	00075	Phạm Minh	Hiếu	23/10/90		Hà Nội	CTĐTTM Hoàng Gia	01	6.00	7.50	8.00	21.50	21.50	
64	00077	Trần Văn	Hiếu	08/06/64		Thái Bình	Tòa án nhân dân tối cao	01	5.50	8.00	5.50	19.00	19.00	
65	00078	Dương Thị Thanh	Hiền	09/09/90	Nữ	Sơn La	Công ty cổ phần công nghệ mới		6.50	8.00	5.25	19.75	20.00	
66	00079	Phạm Thu	Hiền	19/09/94	Nữ	Thái Bình	Xã Minh Quang, Vũ Thư, Thái Bình		6.00	7.50	7.00	20.50	20.50	
67	00080	Ngô Thị	Hoa	07/03/83	Nữ	Nghệ An	Cty Luật Đại Phúc	01	7.00	7.00	5.75	19.75	20.00	
68	00081	Nguyễn Văn	Hoan	05/09/80		Hà Nội	Công ty bánh kẹo Thủ Đô	01	5.00	8.50	5.50	19.00	19.00	
69	00082	Nguyễn Huy	Hoàng	06/02/89		Hà Nội	Công ty thiết kế hạn tầng viễn thông CMC		5.00	6.00	6.25	17.25	17.50	
70	00083	Nguyễn Thế	Hoàng	17/02/95		Hoà Bình	P. Quang Trung, Hà Đông, HN		7.00	5.00	6.50	18.50	18.50	
71	00084	Nguyễn Quang	Hòa	18/11/85		Hà Nam	Đông Mạc, Lộc Hạ, Nam Định		5.00	6.00	4.25	15.25	15.50	
72	00085	Nguyễn Văn	Hội	25/03/78		Hà Nội	UBND Xã Phù Linh, Sóc Sơn		4.00	6.00	6.50	16.50	16.50	
73	00087	Hà Quang	Huy	30/10/70		Hà Nội	Văn phòng Hội chữ thập đỏ Việt Nam		5.00	8.50	6.75	20.25	20.50	
74	00088	Nguyễn Văn	Huy	11/08/93		Ninh Bình	UBND Yên Ninh, Yên Khánh, NB		4.50	9.00	6.00	19.50	19.50	
75	00090	Nguyễn Quang	Huy	26/09/93		Hà Nội	P. Cống Vị, Ba Đình, HN		5.00	7.50	8.00	20.50	20.50	
76	00091	Nguyễn Thị Hoa	Huyền	30/08/94	Nữ	Lạng sơn	P. Ngô Quyền, Vĩnh trụ, Lạng Sơn	01	3.50	6.50	6.50	16.50	16.50	
77	00092	Hoàng Mạnh	Hùng	03/06/82		Hưng yên	X. Nghĩa Dân, Kim Động, HY		5.00	8.00	6.75	19.75	20.00	
78	00093	Lã Hữu	Hùng	09/05/88		Ninh Bình	UBND xã Khánh Thịnh Yên Mô		6.00	8.50	6.00	20.50	20.50	
79	00095	Vũ Phi	Hùng	20/02/90		Hưng Yên	CT Luật Song Thanh		5.50	8.50	6.75	20.75	21.00	
80	00096	Đào Long	Hung	14/11/88		Hưng Yên	Công ty TNHH thiết bị điện Hà Nội		5.50	9.00	7.25	21.75	22.00	
81	00097	Phan Việt	Hung	08/02/85		Nghệ An	UBNDTT Yên Thành-Nghệ An		6.00	7.50	4.75	18.25	18.50	
82	00098	Phạm Tuấn	Hung	22/08/91		Hà Nội	UBND phường Nguyễn Du HBT		6.00	8.00	4.75	18.75	19.00	
83	00099	Trần Khánh	Hung	17/01/79		Hà Nội	Công ty điện lực Ba Đình	01	5.00	2.00	6.00	13.00	13.00	
84	00100	Trương Quốc	Hung	21/05/95		Hà Nội	VP Công chứng Minh Thanh		6.00	9.00	5.50	20.50	20.50	
85	00102	Nguyễn Thị Lan	Hương	13/09/78	Nữ	Hà Nội	Công ty quản lý điều hành GThông ĐThị		5.00	6.00	7.00	18.00	18.00	
86	00103	Nguyễn Thị Thu	Hương	03/09/86	Nữ	Nghệ An	Viện KSNĐTC	02	4.00	7.50	6.00	17.50	17.50	
87	00104	Trần Thị Thu	Hương	02/09/95	Nữ	Bắc Giang	Văn phòng Công chứng Tân Thành Bắc Giang		6.00	8.00	6.50	20.50	20.50	
88	00105	Trần Thị Bảo	Khánh	23/10/86	Nữ	Hà Nội	Văn phòng Đảng uỷ phường Phạm Đình Hổ		6.50	8.50	6.50	21.50	21.50	
89	00106	Nguyễn Đăng	Khoa	10/08/92		Nam Định	Xã Nam Lợi, Nam Trực, ND		6.50	8.50	4.25	19.25	19.50	
90	00107	Lưu Trung	Kiên	11/11/88		Hà Nội	UBND P. Phúc La-Hà Đông		7.00	8.00	7.25	22.25	22.50	
91	00109	Đỗ Thị Thu	Lan	14/01/80	Nữ	Nam Định	P. Công chứng A1, Nghĩa tân	01	5.50	8.50	6.25	20.25	20.50	
92	00111	Tạ Tùng	Lâm	09/10/93		Vĩnh Phúc	UBND phường Ngô Quyền Vĩnh Yên		5.00	7.00	4.50	16.50	16.50	
93	00113	Trần Văn	Liêm	25/06/84		Thái Bình	UBND xã Tân Lễ Hưng Hà		5.50	7.50	3.75	16.75	17.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	U.T	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
94	00114	Hoàng Thị	Liệu	10/10/86	Nữ	Lạng Sơn	Cong ty TNHH Chương Dương	01	6.00	7.50	6.00	19.50	19.50	
95	00115	Nguyễn Thế	Linh	04/03/80		Quảng Ninh	Công ty TNHH Phương Linh	01	4.00	7.00	7.50	18.50	18.50	
96	00116	Nguyễn Hồng	Linh	18/05/92		Hà Nội	UBND phường Hoàng Văn Thụ		3.50	7.50	3.25	14.25	14.50	
97	00117	Nguyễn Hoàng	Linh	28/08/94		Hà Nội	UBND xã Thanh Liệt Hoàng Mai		6.00	7.00	5.50	18.50	18.50	
98	00118	Phạm Thùy	Linh	30/06/93	Nữ	Hà Nội	P. Nam Đông, Đống Đa, HN		5.50	7.50	6.75	19.75	20.00	
99	00119	Vũ Năng	Linh	16/07/94		Thái Bình	Cong ty 19/5 Bộ CA		5.50	5.00	6.50	17.00	17.00	
100	00120	Vũ Duy	Linh	20/08/94		Hà Nội	UBND phường Đồng Tâm		5.00	8.00	6.50	19.50	19.50	
101	00121	Nguyễn Thị Hồng	Loan	02/12/71	Nữ	Phú Thọ	Cục CT Bộ Tư lệnh pháp binh	01	6.50	9.00	5.00	20.50	20.50	
102	00122	Lê Hoàng	Long	18/07/88		Hà Nội	Cục điều tra VKSND Tối cao		6.00	8.50	8.75	23.25	23.50	
103	00123	Lý Phùng	Long	21/07/92		Yên Bái	Công ty TNHH BC Yên Bái	01	5.00	6.00	6.00	17.00	17.00	
104	00124	Nguyễn Thành	Long	29/07/94		Hà Nội	UBND phường Trung Phụng		5.50	7.50	7.50	20.50	20.50	
105	00125	Nguyễn Thị	Lộc	21/01/74	Nữ	Hưng Yên	THCS Phương Chiểu, TP Hưng Yên	01	5.50	6.00	3.00	14.50	14.50	
106	00126	Phạm Đức	Lộc	20/04/95		Hà Nội	Trường CĐT N Môi Trường		6.00	9.50	5.75	21.25	21.50	
107	00128	Phạm Thanh	Mai	18/07/90	Nữ	Hà Nội	UBND phường Phương Liên		8.00	9.00	5.00	22.00	22.00	
108	00130	Phạm Chí	Mạnh	03/05/87		Hà Nội	Công an xã Mỹ Đình, Từ Liêm, HN	02	4.50	6.50	2.25	13.25	13.50	
109	00131	Phạm Văn	Miên	15/06/79		Hải Dương	Trung đoàn 375 Bộ TLCVệ	01	6.50	5.50	6.00	18.00	18.00	
110	00132	Lê Duy	Minh	25/08/88		Hà Nội	Tổng cục Hậu cần-BCA		5.50	8.00	6.50	20.00	20.00	
111	00133	Nguyễn Thị Thu	Minh	11/12/85	Nữ	Hà Nội	TTQLY điều hành GTĐT thị		6.50	8.00	6.75	21.25	21.50	
112	00134	Nguyễn Hà	My	19/10/88	Nữ	Hà Nội	UBND phường Trung Phụng		6.00	9.00	5.50	20.50	20.50	
113	00135	Đỗ Thành	Nam	12/04/87		Ninh Bình	C65, TC7, Bộ Công An	01	5.00	8.00	5.50	18.50	18.50	
114	00136	Lê Hải	Nam	24/02/83		Hà Nội	UBND phường Phan Chu Trinh		6.00	8.00	7.75	21.75	22.00	
115	00137	Nguyễn Đức	Nam	26/08/95		Hà Nội	UBND P. Nhật Tân, Tây Hồ		6.50	8.50	5.50	20.50	20.50	
116	00139	Vũ Hoàng	Nam	15/01/88		Nam Định	Thanh tra Bộ KH&CNghệ		6.00	7.50	9.00	22.50	22.50	
117	00141	Trần Linh	Nga	09/11/95	Nữ	Hà Nội	Văn phòng công chứng Minh Thành		7.50	8.00	6.75	22.25	22.50	
118	00142	Trần Kim	Nga	30/07/82	Nữ	Hà Nội	CTTNHH Hoàng Viên	01	7.00	8.50	6.00	21.50	21.50	
119	00143	Hoàng Thanh	Ngân	04/02/94	Nữ	Hà Nội	P. Mồ lao, Hà Đông		6.50	8.00	6.50	21.00	21.00	
120	00144	Nguyễn Tiến	Nghĩa	18/06/89		Hà Nội	UBND P. Định Công, Hoàng mai		5.00	8.00	4.50	17.50	17.50	
121	00146	Nguyễn Tuấn	Ngọc	20/12/82		Hoà Bình	Ban quản lý Khu bảo tồn tài nguyên Ngọc Sơn	01	5.50	8.50	7.50	21.50	21.50	
122	00147	Bùi Văn	Nguyện	17/08/91		Hưng Yên	Công ty TNHH một thành viên NEUTATCO		5.50	8.50	7.00	21.00	21.00	
123	00148	Nguyễn Văn	Nguyên	05/01/81		Bắc Ninh	Công ty cổ phần DVụ Qly MIPEC	01	6.00	6.50	6.50	19.00	19.00	
124	00149	Phạm Thị Hạnh	Nguyên	06/12/83	Nữ	Hà Nội	Mộ lao, Hà Đông, HN		5.00	8.00	6.00	19.00	19.00	
125	00150	Ngô Thị	Nhàn	01/06/90	Nữ	Hà Nội	UBND Xã Mễ trì, Từ Liêm, HN		7.00	9.00	3.00	19.00	19.00	
126	00151	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	06/10/92	Nữ	Hưng Yên	UBND Xã Thủy Lôi, Tiên Lữ, HY		6.00	8.50	5.50	20.00	20.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	U.T	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
127	00153	Vũ Thị Cẩm	Nhung	22/03/86	Nữ	Hải Phòng	Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Đồng	01	6.50	8.00	7.75	22.25	22.50	
128	00154	Ngô Thị Thùy	Ninh	23/03/93	Nữ	Nam Định	UBND Xã Nghĩa Châu, Nghĩa Hưng, Nam Định		7.50	7.50	7.50	22.50	22.50	
129	00156	Phan Việt	Phương	08/07/95		Hà Nội	UBND phường Nhân Chính		5.00	7.00	7.00	19.00	19.00	
130	00158	An Thành	Phước	24/09/93		Hà Nội	UBND P. Láng Hạ		6.50	8.00	8.50	23.00	23.00	
131	00159	Dương Đức	Quang	26/07/95		Hà Nội	UBND phường Quang Trung thị xã Sơn Tây		5.50	8.50	6.00	20.00	20.00	
132	00160	Nguyễn Đình	Quân	01/08/88		Hà Nội	UBND Xã Xuân Phương, Từ Liêm		5.00	7.50	7.00	19.50	19.50	
133	00161	Thái Xuân Quang	Quân	14/09/88		Thái Bình	Hung Nhân, Hung Hà, Thái Bình		4.00	7.50	5.75	17.25	17.50	
134	00162	Nguyễn Kính	Quốc	18/09/83		Hà Tĩnh	Cục điều tra VKSND Tối Cao		5.00	6.50	8.50	20.00	20.00	
135	00163	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	15/09/84	Nữ	Hà Nội	Công ty Cổ phần đầu tư Lê Bảo minh		7.50	8.50	6.00	22.00	22.00	
136	00164	Trần Văn	Quyết	27/08/93		Hung Yên	Chi cục THADS Yên Mỹ, Hưng Yên		6.00	8.00	7.00	21.00	21.00	
137	00165	Nguyễn Thanh	Quỳnh	14/07/85	Nữ	Hà Nội	UBND P. Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng	01	6.50	8.00	7.00	21.50	21.50	
138	00166	Phan Thị Như	Quỳnh	22/08/94	Nữ	Bắc Giang	UBND P. Mỹ Độ, Bắc Giang		6.50	8.50	6.50	21.50	21.50	
139	00167	Trần Việt	Quỳnh	07/12/94		Hà Giang	UBND thị trấn Đồng Văn	01	5.50	7.50	7.25	20.25	20.50	
140	00168	Bùi Hồng	Son	14/06/82		Hải Dương	CTCPPT Đại Thành	01	3.00	8.00	7.50	18.50	18.50	
141	00169	Nguyễn Hồng	Son	03/05/77		Hà Nội	Công ty cổ phần thiết bị an toàn Phát	01	4.50	8.50	7.00	20.00	20.00	
142	00170	Trần Xuân	Son	10/07/90		Hà Nội	Bảo đại biểu nhân dân		5.50	7.50	5.75	18.75	19.00	
143	00171	Trần Đăng	Son	27/02/90		Nam Định	phường Dịch Vọng Hậu Cầu Giấy		5.00	7.50	5.75	18.25	18.50	
144	00172	Vũ Văn	Son	25/09/86		Ninh Bình	Công ty dịch vụ Bích Động	02	4.50	8.50	4.75	17.75	18.00	
145	00173	Đặng Xuân	Tài	21/09/88		Hà Nội	CTTNHH Xuân Tài		7.00	6.00	8.00	21.00	21.00	
146	00174	Hà Chí	Thanh	27/07/84		Tuyên quang	P. Vĩnh Lộc, Chiêm hóa, TQ	01	5.50	6.00	5.00	16.50	16.50	
147	00175	Phạm Minh	Thanh	20/04/85		Hà Nội	Văn Phòng VKS Tối Cao	01	6.00	7.00	8.00	21.00	21.00	
148	00177	Đàm Quang	Thành	13/10/91		Hà Nội	UBND P. Đồng Xuân, Hoàn Kiếm, HN		6.50	8.50	6.75	21.75	22.00	
149	00178	Đào Đức	Thành	24/09/93		Hà Nội	Tòa án nhân dân tối cao		4.00	6.50	7.50	18.00	18.00	
150	00179	Nguyễn Tiến	Thành	17/04/91		Hà Nội	UBND Phường láng Thượng Đ Đa HN	01	5.00	7.50	7.25	19.75	20.00	
151	00180	Nguyễn Ngọc	Thành	27/10/93		Hà Nam	UBND P. Nghĩa Đô, Cầu Giấy		4.00	6.50	6.25	16.75	17.00	
152	00181	Hà Thị Phương	Thảo	24/07/85	Nữ	Hà Nội	Bí thư đoàn phường Bách Khoa	01	7.00	7.00	5.50	19.50	19.50	
153	00182	Lê Nhật Thạch	Thảo	04/10/95	Nữ	Hà nội	UBND Phường Trung Hoà		6.00	7.50	3.25	16.75	17.00	
154	00183	Hà Việt	Thắng	26/10/91		Phú Thọ	Cục thi hành án dân sự Hà Nội		6.00	6.00	7.00	19.00	19.00	
155	00184	Lương Mạnh	Thắng	14/04/76		Hung Yên	Huyện Tiên Lữ, Hưng Yên		4.50	8.00	9.00	21.50	21.50	
156	00185	Phạm Đức	Thắng	16/10/89		Hà Nội	UBND TT Đại Nghĩa Mỹ Đức HN		4.00	7.50	6.50	18.00	18.00	
157	00186	Phí Quốc	Thế	02/03/80		Hà Nội	văn phòng Sở GTVT Hà Nội	02	5.50	5.00	9.00	19.50	19.50	
158	00187	Phùng Văn	Thiệt	10/03/93		Hà Nội	Xã Hạ Bằng, Thạch Thất		3.00	6.50	3.50	13.00	13.00	
159	00188	Nguyễn Ngọc	Thiện	24/11/92		Hà Nội	UBND P. Hàng Bồ, Hoàn Kiếm		5.00	7.00	7.75	19.75	20.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	ƯT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
160	00190	Nguyễn Văn	Thông	18/12/89		Hà Giang	CTCPĐTTM Nhà Đẹp	02	5.50	7.00	2.75	15.25	15.50	
161	00191	Dương Yến	Thu	30/11/92	Nữ	Hà Nội	UBND Phường Quốc Tử Giám		6.00	9.00	6.75	21.75	22.00	
162	00192	Đặng Kim	Thúy	14/06/87	Nữ	Hà Nội	UBND phường Vĩnh Tuy HBT		6.00	8.00	8.50	22.50	22.50	
163	00193	Phạm Thị Thu	Thủy	17/01/78	Nữ	Hà Nội	UBND xã yên Thường		6.00	8.50	8.25	22.75	23.00	
164	00194	Phạm Thị Phương	Thúy	06/09/87	Nữ	Yên Bái	UBND P. Bạch Mai		6.00	9.00	7.50	22.50	22.50	
165	00195	Lê Anh	Thư	03/04/92	Nữ	Hà Nội	UBND phường Thanh Nhân		8.00	7.50	7.50	23.00	23.00	
166	00196	An Hoa Thủy	Tiên	12/11/95	Nữ	Hà Nội	UBND phường Thành Công BĐình		7.00	8.50	6.75	22.25	22.50	
167	00197	Lương Thế	Tiến	17/09/91		Bắc Ninh	UBND xã Trung chính		6.00	8.50	6.75	21.25	21.50	
168	00199	Nguyễn Văn	Tiến	26/02/94		Hà Nội	UBND xã Phương Tú		6.00	8.00	8.50	22.50	22.50	
169	00200	Cần Mạnh	Toàn	17/09/94		Hà Nội	UBND Xã yên Bình, Thạch Thất		5.50	8.50	8.00	22.00	22.00	
170	00201	Dương Đức	Toàn	16/09/91		Ninh Bình	UBND phường Văn Giang N Bình		4.50	5.00	6.25	15.75	16.00	
171	00202	Lê Đăng	Toàn	02/10/92		Thanh Hoá	UBND xã Xuân Sơn Thọ Xuân		6.00	9.00	7.50	22.50	22.50	
172	00203	Nguyễn Anh	Toàn	12/09/91		Hà Nội	UBND P. Nam Đồng, Đống Đa, HN	02	3.00	7.50	6.00	16.50	16.50	
173	00204	Nguyễn Đức	Toàn	06/07/93		Hà Nội	Công ty cổ phần ĐTPTCN Mạnh Dũng		6.00	7.50	7.75	21.25	21.50	
174	00205	Nguyễn Quốc	Toàn	23/06/83		Hà Nội	Công ty TNHHXNKĐT Toàn Cầu	01	7.00	7.00	7.75	21.75	22.00	
175	00206	Nguyễn Thị Thảo	Trang	10/06/95	Nữ	Phú Thọ	Xã Chí Tiên, Thanh Ba, Phú Thọ		5.50	8.00	7.50	21.00	21.00	
176	00207	Nguyễn Huyền	Trang	16/12/87	Nữ	Hà Nội	UBND phường Thịnh Quang		6.50	8.00	6.00	20.50	20.50	
177	00208	Trần Thị Kiều	Trang	29/10/94	Nữ	Nam Định	CT Luật Nguyễn Hoàng và Công lý	02	6.50	8.00	7.00	21.50	21.50	
178	00209	Nguyễn Thu	Trà	24/01/92	Nữ	Nam Hà	Quận Cầu Giấy, HN		6.00	7.50	6.25	19.75	20.00	
179	00210	Nguyễn Thanh	Trà	28/07/91	Nữ	Hà Nội	Bí thư Đoàn phường Quỳnh Lôi	01	3.00	6.00	6.00	15.00	15.00	
180	00211	Nguyễn Văn	Trị	06/07/92		Vĩnh Phúc	Liên Châu, Yên Lạc, Vĩnh Phúc		4.50	7.00	5.00	16.50	16.50	
181	00212	Trần Minh	Trí	29/03/95		Hà Nội	Công ty TNHH Sao Đất Việt		6.50	7.50	6.25	20.25	20.50	
182	00213	Lý Tình	Trung	25/08/90		Hà Nội	Công an xã Mỹ Đình Từ Liêm, HN		7.50	5.50	6.00	19.00	19.00	
183	00215	Nguyễn Tiến	Trung	06/01/85		Hà Nội	BCHQS P. Ngọc Khánh, Ba Đình, HN	01	4.50	7.00	7.75	19.25	19.50	
184	00216	Nguyễn Đức	Trung	11/11/91		Hà Nội	Sở Cảnh sát PCCC HN	01	7.00	9.00	4.25	20.25	20.50	
185	00217	Phùng Văn	Trung	17/07/81		Hà Nội	TCT VIET TFI Quân Đội		6.00	7.50	8.50	22.00	22.00	
186	00218	Phùng Thế	Trụ	26/09/84		Hà Nội	CTTNHHTMDV Hà Trường Giang	02	5.00	7.50	5.75	18.25	18.50	
187	00221	Phạm Huy	Tuân	13/05/79		Thái Bình	Trung tâm huấn luyện tổng cục 8 V26	01	7.00	8.50	8.50	24.00	24.00	
188	00222	Nguyễn Anh	Tuấn	19/03/90		Hà Nội	UBND phường Ngọc Khánh		4.00	7.50	8.00	19.50	19.50	
189	00223	Nguyễn Anh	Tuấn	21/05/82		Nghệ An	Công ty TNHH Quốc Thái	01	4.50	6.50	7.00	18.00	18.00	
190	00224	Nguyễn Vũ	Tuyên	14/10/81		Hải Phòng	Nhà in Bộ KH&ĐTư	01	3.00	6.00	3.00	12.00	12.00	
191	00225	Văn Duy	Tuyên	18/08/89		Hà Nội	VP đảng ủy Xã Cổ Nhuế	02	6.00	7.50	6.00	19.50	19.50	
192	00226	Phùng Khắc	Tuyên	18/02/86		Hà Nội	UBND Xã Phùng Xá		7.00	8.00	4.50	19.50	19.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	U.T	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
193	00227	Lương Anh	Tú	20/10/88		Hà Nội	UBND P. Phố Huế, Hai Bà Trưng, HN		4.00	7.50	5.75	17.25	17.50	
194	00228	Nguyễn Đức	Tú	24/11/87		Hà Nội	UBND phường Khương Thượng		6.00	6.00	8.50	20.50	20.50	
195	00229	Bùi Huy	Tùng	05/09/92		Hưng Yên	Xã hạ Lễ, Ân Thi, Hưng Yên		6.50	6.00	5.25	17.75	18.00	
196	00231	Phan Thanh	Tùng	01/02/82		Hà Nội	Đoàn bay 919-TCT Hàng không		5.50	6.50	7.00	19.00	19.00	
197	00234	Tạ Thuỳ	Vân	26/08/89	Nữ	Hải Phòng	UBND phường Hàng Bót		6.50	6.00	4.50	17.00	17.00	
198	00235	Lê Anh	Vân	28/09/90		Hà nội	UBND Xã Đông Ngạc-Từ Liêm		4.50	5.00	5.25	14.75	15.00	
199	00236	Nguyễn Đức	Vân	12/03/82		Bắc Ninh	UBND thị trấn Yên Phong Bắc Ninh		6.00	6.50	3.25	15.75	16.00	
200	00238	Phạm Thành	Việt	07/10/87		Thái Bình	Công ty phục vụ mặt đất Hà Nội		5.50	8.50	6.50	20.50	20.50	
201	00239	Trần Văn	Vui	13/04/79		Hưng Yên	Bộ Thông tin và TT	01	5.50	8.00	7.75	21.25	21.50	
202	00240	Nguyễn Đức	Vũ	21/09/88		Đồng Nai	Công ty TNHH Hoàng Cầu	02	6.00	8.00	8.25	22.25	22.50	
203	00241	Hoàng Thịnh	Vượng	02/07/92	Nữ	Hà Nội	P. Quỳnh Lôi, HBT, HN		6.00	5.00	6.50	17.50	17.50	
204	00242	Trần Minh	Xiêm	01/01/78		Ninh Bình	TT Hộ nghị Quốc gia	01	6.50	7.00	6.50	20.00	20.00	
205	00243	Đặng Hữu	Xuyên	16/10/84		Bắc Giang	Hiệp Hòa, Bắc Giang		6.00	8.00	5.00	19.00	19.00	
206	00245	Đinh Thị Quảng	Yên	23/08/92	Nữ	Hà Nội	Văn phòng Luật sư Việt Dũng	02	5.00	3.50	5.25	13.75	14.00	
207	00246	Đỗ Hải	Yên	14/11/93	Nữ	Hà Nội	UBND Xã Trung Văn, Từ Liêm		7.00	8.50	6.50	22.00	22.00	
208	00247	Hoàng Thị Ngọc	Yến	21/08/85	Nữ	Hà Nam	Cục A62 Bộ công an	01	6.50	4.00	8.25	18.75	19.00	
209	00248	Nông Thị	Yến	09/06/82	Nữ	Lạng Sơn	Công ty Sam Sung	01	4.50	8.00	7.75	20.25	20.50	

CỘNG TRƯỞNG LPHC : 209 THÍ SINH

HIỆU TRƯỞNG